**HỎI ĐÁP CHÍNH SÁCH COVID**

**(Set 3 – final ngày 29/8/2021)**

**\* CÂU HỎI CHUNG**

**Câu 1: Để nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, người lao động, đơn vị sử dụng lao động có thể nộp hồ sơ trực tuyến không? Nếu được thì nộp ở đâu?**

**Trả lời:**

Người lao động và đơn vị sử dụng lao động có thể nộp trực tuyến hồ sơ đề nghị hỗ trợ gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tại địa chỉ: <https://ncovi.dichvucong.gov.vn/>). Cổng Dịch vụ công Quốc gia sẽ gửi hồ sơ sang cơ quan bảo hiểm xã hội để giải quyết (đối với dịch vụ công "Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất") và xác nhận (đối với các dịch vụ công khác).

Đồng thời, để hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, đơn vị sử dụng lao động có thể nộp hồ sơ để Cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận theo quy định tại Chương I, II, III của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công Bảo hiểm xã hội Việt Nam (tại địa chỉ: https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn/) hoặc trên phần mềm của nhà cung cấp dịch vụ kê khai bảo hiểm xã hội điện tử (I-VAN).

**Câu 2: Trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hiện có bao nhiêu dịch vụ công hỗ trợ người lao động, đơn vị sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm xã hội? Gồm những dịch vụ công nào?**

**Trả lời:**

Hiện nay, trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia có 05 dịch vụ công hỗ trợ người lao động, đơn vị sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, bao gồm:

1. Dành cho đơn vị sử dụng lao động:

- Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

- Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

- Hỗ trợ người lao động ngừng việc

- Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

2. Dành cho người lao động: Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

**Câu 3: Để có thể thực hiện các dịch vụ công hỗ trợ người lao động và đơn vị sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, người lao động và đơn vị sử dụng lao động cần phải làm gì?**

**Trả lời:**

Để có thể thực hiện các dịch vụ công nói chung và các dịch vụ công hỗ trợ người lao động và đơn vị sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 nói riêng trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, người lao động và đơn vị sử dụng lao động cần phải có tài khoản đăng nhập Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Xem chi tiết hướng dẫn đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại đây: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-huong-dan-cong-dan-doanh-nghiep.html./.

**\* CHÍNH SÁCH 1. CHÍNH SÁCH GIẢM MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Câu 1. Các doanh nghiệp thành lập mới từ sau ngày 01/7/2021 thì có được giảm mức đóng** **bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì người sử dụng lao động được áp dụng mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp trong 12 tháng (thời gian từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022), bao gồm cả các doanh nghiệp thành lập mới từ sau ngày 01/7/2021.

**Câu 2: Doanh nghiệp, đơn vị được giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì có phải thanh toán, quyết toán phần kinh phí do giảm mức đóng với cơ quan bảo hiểm xã hội không?**

**Trả lời:**

Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không quy định đơn vị, doanh nghiệp được giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải quyết toán với cơ quan bảo hiểm xã hội.

**Câu 3: Trong thời gian được giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, người lao động phát hiện ra bệnh nghề nghiệp hoặc xảy ra tai nạn lao động có được chi trả chế độ không?**

**Trả lời:**

Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Điều 1, Chương I Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động thì trong thời gian giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (trong 12 tháng, từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022), người lao động vẫn được hưởng các quyền lợi như đang đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Câu 4. Trình tự hồ sơ, thủ tục thực hiện việc giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như thế nào?**

**Trả lời:**

Trên cơ sở dữ liệu quản lý thu cơ quan bảo hiểm xã hội lập và gửi đơn vị Thông báo giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Trường hợp đơn vị có người lao động hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên) thì đơn vị lập hồ sơ điều chỉnh đóng BHXH (Mẫu số D02-LT ban hành kèm theo Quyết định số 1040/QĐ-BHXH ngày 18/8/2020 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội để điều chỉnh giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định.

**Câu 5. Trong tháng 7 năm 2021 doanh nghiệp có 1 lao động đang hưởng chế độ thai sản, đến tháng 8 năm 2021 tăng lại. Như vậy, căn cứ vào thông báo tạm tính về số tiền giảm bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ cơ quan bảo hiểm xã hội thì người lao động này có được tính giảm tai nạn lao động - bệnh nghiệp theo quy định không?**

**Trả lời**:

 Theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì người sử dụng lao động được áp dụng mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong 12 tháng (thời gian từ ngày 1/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022). Trong tháng 8 năm 2021, doanh nghiệp tăng 01 lao động sau khi nghỉ thai sản thì lao động này vẫn được tính để giảm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp từ tháng 8 năm 2021 đến hết tháng 6 năm 2022 theo quy định.

**Câu 6. Tôi là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước thuộc một Sở của tỉnh, tiền lương của tôi được hưởng qua kinh phí cấp từ Sở Tài chính. Qua báo đài, tôi được biết là Chính phủ có hỗ trợ cho các đơn vị sử dụng lao động giảm đóng vào Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp để hỗ trợ phòng chống dịch COVID-19. Như vậy, đối với bản thân tôi cùng những người trong đơn vị tôi có nhận được gói hỗ trợ này không?**

**Trả lời:**

Tại Điều 1 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì Ông/Bà là viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng lương từ ngân sách nhà nước nên không thuộc đối tượng hỗ trợ giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**\* CHÍNH SÁCH 2: CHÍNH SÁCH TẠM DỪNG ĐÓNG VÀO QUỸ HƯU TRÍ, TỬ TUẤT**

**Câu 1. Doanh nghiệp của chúng tôi đang chậm đóng từ đầu năm 2021 đến nay nhưng hiện nay rất khó khăn và đã phải cắt giảm 30% lao động. Vậy chúng tôi có đủ điều kiện để được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP hay không?**

**Trả lời:**

Theo phản ánh thì Quý Doanh nghiệp đang chậm đóng (nợ) bảo hiểm xã hội từ đầu năm 2021 đến nay, như vậy Quý Doanh nghiệp không đủ điều kiện “đã đóng đủ bảo hiểm xã hội đến hết tháng 4 năm 2021” nên sẽ không được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP.

**Câu 2. Hết thời hạn đơn vị tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) thì đơn vị sẽ thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Quy định tại Điều 7 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì:

- Hết thời gian tạm dừng đóng theo quy định, người lao động và người sử dụng lao động tiếp tục đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất và đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng (đối với cả người lao động ngừng việc hưởng tiền lương theo Điều 99 Bộ luật Lao động), số tiền đóng bù không phải tính lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật BHXH.

- Kể từ thời điểm kết thúc thời gian được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, nếu người sử dụng lao động không thực hiện việc đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng thì thực hiện tính lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật BHXH.

- Trong thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, chế độ tử tuất hoặc chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động và người lao động thực hiện đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng để giải quyết chế độ cho người lao động.

**Câu 3. Hết thời gian tạm dừng đóng** **vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg), doanh nghiệp có được đóng bù khoản tiền tạm dừng này theo nhiều đợt được hay không hay phải đóng một lần?**

**Trả lời:**

Pháp luật về bảo hiểm xã hội cho phép người sử dụng lao động có thể đóng bảo hiểm xã hội theo nhiều đợt khác nhau. Như vậy, việc đóng bù sau khi hết thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất cũng có thể được thực hiện làm nhiều đợt tùy thuộc vào khả năng tài chính của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chỉ những khoản tiền đóng bù nằm trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội (30 ngày) thì mới không phải tính lãi chậm nộp; những khoản đóng bù sau thời gian này vẫn được tính lãi chậm nộp theo quy định.

**Câu 4. Hết thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) mà đơn vị chưa có tiền đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng thì số tiền đó có phải tính lãi không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì khi hết thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (quy định tại Điều 6 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) mà đơn vị không thực hiện đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng thì sau 30 ngày mà đơn vị chưa đóng thì số tiền này phải tính lãi theo quy định.

**Câu 5. Người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí trong thời gian đơn vị đang được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) thì có được giải quyết hưởng chế độ hưu trí không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg: Trong thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất, người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, chế độ tử tuất hoặc chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động và người lao động thực hiện đóng bù cho thời gian tạm dừng đóng để giải quyết chế độ cho người lao động.

Như vậy, ngưởi sử dụng lao động nên sớm liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để đóng bù riêng cho người lao động đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng để giải quyết chế độ cho người lao động.

**Câu 6. Người lao động bị ốm trong thời gian đơn vị được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (****thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) thì có được thánh toán chế độ bảo hiểm xã hội không?**

**Trả lời:**

Trong thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) thì người sử dụng lao động vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đóng đầy đủ vào các Quỹ bảo hiểm xã hội còn lại: Quỹ ốm đau, thai sản; Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

 Trong thời gian này, người lao động bị ốm sẽ được giải quyết hưởng chế độ ốm đau theo quy định nếu đã nộp đủ hồ sơ và đủ điều kiện hưởng chế độ ốm đau theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

**Câu** **7. Người lao động sinh con trong thời gian doanh nghiệp được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) thì có được hưởng chế độ thai sản không?**

**Trả lời:**

Trong thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) thì người sử dụng lao động vẫn phải thực hiện nghĩa vụ đóng đầy đủ vào các Quỹ bảo hiểm xã hội còn lại: Quỹ ốm đau, thai sản; Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

 Trong thời gian này, người lao động sinh con sẽ được hưởng chế độ thai sản nếu đã nộp đủ hồ sơ và đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội.

 **Câu 8. Tôi nghe nói nếu tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) thì cũng sẽ cắt luôn thẻ bảo hiểm y tế có đúng không?**

**Trả lời:**

Trong thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động và những người lao động đang tiếp tục làm việc vẫn tiếp tục đóng bảo hiểm y tế và được hưởng các quyền lợi về khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

**Câu 9: Do ảnh hưởng bởi dịch COVD-19, trong tháng 7/2021 doanh nghiệp có giải quyết cho 03 lao động (trên tổng số 15 lao động) nghỉ việc không hưởng lương 01 tháng, tất cả đều có Hợp đồng lao động thời hạn 3 tháng. Doanh nghiệp đã thực hiện đóng đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 6/2021. Vậy doanh nghiệp của tôi có được giải quyết tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí, tử tuất theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Theo các khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì doanh nghiệp của Ông/Bà thuộc đối tượng được hỗ trợ tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất. Đề nghị doanh nghiệp lập văn bản đề nghị (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) gửi cơ quan BHXH nơi đang tham gia qua giao dịch điện tử hoặc qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, trường hợp chưa đăng ký giao dịch điện tử thì gửi hồ sơ giấy.

 **Câu 10. Trong tình hình dịch bệnh phức tạp, doanh nghiệp muốn nộp hồ sơ tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất ((thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) trực tuyến có được không?**

**Trả lời:**

Người sử dụng lao động có thể nộp hồ sơ tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo một trong ba hình thức sau:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan bảo hiểm xã hội;

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp trực tuyến qua Cổng Thông tin điện tử của cơ quan bảo hiểm xã hội (<https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn/>) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>).

 **Câu 11. Đại dịch COVID-19 được dự báo là còn diễn biến phức tạp và chưa biết đến bao giờ mới kết thúc; như vậy doanh nghiệp sẽ còn phải gặp những khó khăn nhất định trong thời gian tới ảnh hưởng tới việc làm của người lao động. Vậy chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP còn được kéo dài đến khi kết thúc dịch có được không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì thời hạn cuối cùng để người sử dụng lao động nộp hồ sơ tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP là ngày 30/6/2022. Trường hợp đủ điều kiện, thì những người sử dụng lao động cuối cùng được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP là từ tháng 6 đến hết tháng 11 năm 2022 (6 tháng).

**\*CHÍNH SÁCH 3: CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ ĐỂ DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Câu 1. Người sử dụng lao động nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp có được hưởng chính sách** **hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định tại Quyết định 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì trường hợp người sử dụng lao động nợ đóng bảo hiểm thất nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện để hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 2.** **Để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định tại Quyết định 23/2021/QĐ-TTg, xin hỏi cơ quan nào xác nhận về việc người sử dụng lao động đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1, Điều 12 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội xác nhận cho người sử dụng lao động về việc đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ và đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động tham gia đào tạo.

**Câu 3. Khoản 4 Điều 9 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg nêu điều kiện được hỗ trợ là người sử dụng lao động có phương án đào tạo hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo. Vậy doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có được phối hợp với người sử dụng lao động để xây dựng phương án và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo chính sách tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Cơ sở đào tạo thuộc đơn vị (người sử dụng lao động) được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP được phối hợp với người sử dụng lao động để xây dựng phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động theo đúng phương án được phê duyệt (khoản 2 Công văn số 1492/TCGDNN-ĐTTX).

**Câu 4. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động, số lượng đào tạo có bị giới hạn bởi quy mô đào tạo trong giấy chứng nhận đăng ký hoặt động giáo dục nghề nghiệp không?**

**Trả lời:**

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi phối hợp với người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Đối với các cơ sở đào tạo là trường cao đẳng nếu đào tạo trình độ sơ cấp với những nghề chưa có trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thì có báo cáo gửi Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước khi tổ chức đào tạo.

Quy mô đào tạo phải tùy thuộc vào mức độ đáp ứng điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp (cơ sở vật chất; thiết bị, dụng cụ đào tạo; đội ngũ giáo viên; chương trình, giáo trình đào tạo) của từng nghề đào tạo tại từng địa điểm đào tạo theo quy định.

**Câu 5. Trường hợp doanh nghiệp đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho một số lao động từ đủ 12 tháng trở lên, nhưng có một số lao động mới tham gia, đóng bảo hiểm thất nghiệp dưới 12 tháng thì những lao động này có được lập vào Danh sách người lao động tham gia đào tạo** **để được hưởng chính sách quy định tại Chương III (chính sách hỗ trợ đào tạo) Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Trường hợp doanh nghiệp đã đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp từ 12 tháng trở lên và có một số lao động mới tham gia, đóng bảo hiểm thất nghiệp (dưới 12 tháng) thì những lao động này vẫn được lập vào Danh sách người lao động tham gia đào tạo nếu doanh nghiệp đủ điều kiện được hưởng chính sách quy định tại Chương III (chính sách hỗ trợ đào tạo) Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 6. Trong thời gian bao nhiêu ngày, doanh nghiệp được cơ quan bảo hiểm xã hội chuyển kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg?**

**Trả lời:**

Để kịp thời chi hỗ trợ cho đơn vị sử dụng lao động trong thời gian sớm nhất, BHXH Việt Nam đã ban hành Công văn số 2218/BHXH-TST ngày 26/7/2021 về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố rút ngắn thời gian thực hiện; theo đó, trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan BHXH cấp tỉnh phải thực hiện chuyển một lần toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động.

**\* CHÍNH SÁCH 4. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG**

**Câu 1. Doanh nghiệp có trường hợp người lao động nghỉ không lương từ ngày 19/7/2021 đến hết ngày 10/8/2021 nhưng tháng 7 và tháng 8 năm 2021 vẫn đóng bảo hiểm xã hội. Vậy người lao động có đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Trường hợp người lao động nghỉ việc không hưởng tiền lương từ ngày 19/7/2021 đến hết ngày 10/8/2021 thì tháng 7/2021 và tháng 8/2021 người lao động không làm việc, không hưởng tiền lương dưới 14 ngày làm việc trở lên trong tháng, do đó cả người lao động và người sử dụng lao động vẫn phải đóng bảo hiểm xã hội tháng 7/2021 và tháng 8/2021 (theo quy định tại khoản 3 Điều 85, khoản 4 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội). Người lao động này nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 15 ngày liên tục trở lên nếu có đủ có các điều kiện theo Điều 13 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 2. Trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động qua điện thoại thì có được xem xét hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Ngày 05/8/2021, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có Công văn số 2558/LĐTBXH-VP hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, trong đó trường hợp do dịch bệnh hoặc nguyên nhân bất khả kháng khác không thể thỏa thuận bằng văn bản thì người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận bằng các hình thức khác (qua điện thoại, tin nhắn, thư điện tử...). Khi thống nhất thỏa thuận về việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương giữa hai bên thì người sử dụng lao động ghi rõ cách thức thỏa thuận vào cột “Ghi chú” tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung thỏa thuận.

**Câu 3. Tôi là người lao động làm việc tại hộ kinh doanh phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến hai bên phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Vậy tôi có được hỗ trợ theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

Trả lời

Theo Điều 13 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì đối tượng áp dụng không bao gồm người lao động làm việc tại hộ kinh doanh. Do vậy, Anh/Chị không thuộc đối tượng xét hưởng hỗ trợ theo chương IV (chính sách tạm hoãn hợp đồng lao động) Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Tuy nhiên, hiện nay Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang đề xuất sửa đổi, mở rộng thêm đối tượng là người lao động làm việc tại hộ kinh doanh. Vì vậy, đề nghị Anh/Chị theo dõi, cập nhật chính sách mới trong thời gian tới.

**\* CHÍNH SÁCH 5. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC**

**Câu 1.** **Đơn vị chúng tôi là Chi nhánh Công ty (thuộc vùng 4) không cùng địa bàn với trụ sở Công ty chính (vùng 2). Vậy khi kê khai Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì đơn vị thực hiện ghi mức lương tối thiểu vùng như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định: “Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nào thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó”.

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị đơn vị kê khai mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn nơi Chi nhánh Công ty đóng (vùng 4) tại Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 2. Một số người lao động khi thực hiện cách ly y tế tại gia đình, nếu** **theo quyết định cách ly của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì người lao động không đủ 14 ngày cách ly y tế thực tế. Tuy nhiên, sau thời gian cách ly theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người lao động tự ý nghỉ ở nhà thêm 3-5 ngày (nếu tính cả số ngày người lao động tự ý nghỉ việc thì mới đủ 14 ngày liên tục trở lên). Vậy trường hợp này có được tính cả thời gian tự nghỉ** **để giải quyết chế độ theo chương V (chính sách ngừng việc) của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì một trong các điều kiện để được hưởng hỗ trợ là: ngừng việc và thuộc đối tượng phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong toả theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên. Thời gian 14 ngày này được hiểu là đồng thời thời gian cách ly y tế/ trong các khu vực bị phong toả (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) từ 14 ngày trở lên và thời gian ngừng việc (theo Khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động) từ 14 ngày trở lên.

Do vậy, trong trường hợp thời gian cách ly y tế theo quyết định cách ly của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đủ 14 ngày thì không thuộc đối tượng để giải quyết chế độ theo chương V (chính sách ngừng việc) của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 3. Người lao động đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ lao động ngừng việc, đang mang thai và có 1 con nhỏ dưới 6 tuổi thì được hưởng những hỗ trợ nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, nếu người lao động đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ lao động ngừng việc thì ngoài việc được hỗ trợ lao động ngừng việc 1 triệu đồng, còn được hỗ trợ thêm mức hỗ trợ 1 triệu đồng do đang mang thai và mức hỗ trợ 1 triệu đồng do đang nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi. Như vậy, mức hỗ trợ đối với trường hợp này là 3 triệu đồng.

**Câu 4. Người lao động được hưởng chính sách hỗ trợ ngừng việc tại Điều 17 của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg nếu phải điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID- 19 (F1) thì có được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn tại Chương VII của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.**

 **Trả lời:**

 Người lao động được hưởng đồng thời cả 02 chính sách hỗ trợ ngừng việc và hỗ trợ điều trị Covid, cách ly y tế theo quy định tại Chương V và VII của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg nếu đáp ứng đủ điều kiện của từng chính sách hỗ trợ.

**\* CHÍNH SÁCH 6. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP**

**Câu 1. Lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh ăn uống không bán ăn, uống tại chỗ mà chỉ bán mang về nhưng sau đó phải tạm dừng do không có người mua, người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp có được hưởng chính sách hỗ trợ đối với lao động không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không ?**

**Trả lời:**

Trường hợp lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh ăn uống tạm dừng hoạt động do không có người mua, không phải do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 thì người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp không đảm bảo điều kiện để xem xét, hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ đối với lao động không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 2. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam có ký kết hợp đồng lao động, có đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định khi bị chấm dứt hợp đồng lao động không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp thì có thuộc đối tượng được hỗ trợ theo Chương VI Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì không phân biệt lao động là người Việt Nam hay người nước ngoài.

Lao động là người nước ngoài hiện nay đang đóng các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc ngắn hạn nên được xác định là người đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Như vậy nếu lao động là người nước ngoài đáp ứng các điều kiện khác nữa thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Chương VI Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**\* CHÍNH SÁCH 7. HỖ TRỢ F0, F1 VÀ BỔ SUNG VỚI TRẺ EM**

**Câu 1. Đối tượng được hưởng mức hỗ trợ tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày cho người** **điều trị do nhiễm COVID – 19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng chống dịch COVID - 19 (F1) theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg có phân biệt là người lao động hay tất cả công dân?**

**Trả lời:**

Theo Điều 25 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì đối tượng hỗ trợ là **người** điều trị do nhiễm COVID – 19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng chống dịch COVID - 19 (F1) theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tức là bao gồm tất cả người là F0, F1, không bị giới hạn chỉ những người lao động.

**Câu 2. Theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 thì F0, F1 phải đóng tiền ăn theo mức 80.000 đồng/người/ngày. Còn theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 thì F0, F1 được hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/ngày. Vậy phải thực hiện theo Nghị quyết nào?**

**Trả lời:**

F0 và F1 được hưởng mức hỗ trợ tiền ăn 80.000 đồng/ngày/người theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, từ ngày 27/4/2021 đến ngày 31/12/2021; thời gian hỗ trợ đối với F0 theo thời gian điều trị thực tế, tối đa 45 ngày; thời gian hỗ trợ đối với F1 theo thời gian cách ly y tế thực tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tối đa 21 ngày.

F0, F1 ngoài khoảng thời gian từ ngày 27/4/2021 đến ngày 31/12/2021 hoặc thời gian điều trị đối với F0 vượt quá 45 ngày hoặc thời gian cách ly tế vượt quá 21 ngày thì vẫn phải đóng tiền ăn theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ.

**Câu 3. Các trường hợp F1 không cách ly y tế tập trung mà cách ly tại nhà thì hồ sơ gồm những giấy tờ gì và gửi hồ sơ tới cơ quan nào để được hỗ trợ tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg?**

**Trả lời:**

 1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly y tế tại nhà được thực hiện theo Khoản 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, gồm:

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về cách ly y tế tại nhà.

- Giấy hoàn thành việc cách ly.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

2. Theo Điểm b Khoản 5 Điều 27 chương VII Quyết đinh số 23/2021/QĐ-TTg, hồ sơ được gửi hồ sơ đến Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để được giải quyết.

**Câu 4. Trường hợp trẻ em là F0 được điều trị nhiễm Covid - 19, hiện đã khỏi bệnh và trở về gia đình. Vậy trẻ có được hưởng chính sách quy định theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không? Trẻ được hưởng những chính sách hỗ trợ gì?**

**Trả lời**

Trường hợp trẻ em nhiễm COVID-19 được điều trị từ ngày 27/4/2021 thì được hưởng các chính sách quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

- Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người điều trị nhiễm COVID-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng tối đa 45 ngày.

- Được hỗ trợ thêm một lần mức 1.000.000 đồng/trẻ em (trẻ em là người dưới 16 tuổi)

- Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí đối với các chi phí ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế và chi phí khám, chữa bệnh đối với trẻ em không có thẻ bảo hiểm y tế.

**Câu 5. Trẻ em đã thực hiện cách ly y tế tại trường học 14 ngày trong tháng 5 năm 2021, trẻ có được nhận các chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg không? Trẻ được hưởng các chính sách gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, trẻ em thực hiện cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được hưởng các chính sách hỗ trợ sau:

- Được hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tối đa 21 ngày.

- Được hỗ trợ thêm một lần mức 1.000.000 đồng/trẻ em (trẻ em là người dưới 16 tuổi)

**Câu 6. Đối với trẻ em thuộc diện F0, F1 từ tháng 5 năm 2021 và đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly trước ngày Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành (ngày 07/7/2021) thì nộp hồ sơ tới đâu để được hỗ trợ?**

 **Trả lời**

Trường hợp trẻ em F0, F1 từ tháng 5 năm 2021 và đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly trước ngày Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành (ngày 07/7/2021) thì: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, các trường hợp F0, F1 gửi hồ sơ theo quy định tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để được hỗ trợ. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 7. Đối với trẻ em thuộc diện F1 cách ly tại nhà từ ngày 27/4/2021 đến ngày 31/12/2021 thì nộp hồ sơ tới đâu để được hỗ trợ theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg?**

**Trả lời:**

Trường hợp trẻ em F1 cách ly tại nhà từ ngày 27/4/2021 đến ngày 31/12/2021 thì: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, các trường hợp F0, F1 gửi hồ sơ theo quy định tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để được hỗ trợ. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**\* CHÍNH SÁCH VỀ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH**

**Câu 1. Hướng dẫn viên du lịch được hỗ trợ theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì hồ sơ đề nghị gồm những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Hướng dẫn viên du lịch đáp ứng đủ các điều kiện theo Điều 31 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì chuẩn bị hồ sơ đề nghị như sau:

- Đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây:

+ Bản sao hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Thẻ hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch.

**Câu 2. Hướng dẫn viên du lịch có hợp đồng lao động không còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ có được hỗ trợ không?**

**Trả lời:**

Hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm nộp hồ sơ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg), được hiểu là hợp đồng lao động đó có thể được ký trước hoặc sau ngày 01/01/2020, có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm nộp hồ sơ (hết ngày 31/01/2021), còn hoặc không còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

**Câu 3. Người lao động có thẻ hướng dẫn** **viên du lịch được cấp sau ngày có hiệu lực của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (ngày 07/7/2021) có được hỗ trợ không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều Điều 33 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và quy định tại Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg), giá trị thẻ hướng dẫn viên du lịch còn hạn sử dụng đến thời điểm nộp hồ sơ (hết ngày 31/01/2022).

Trường hợp thẻ hướng dẫn viên du lịch được cấp sau ngày có hiệu lực của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (ngày 07/7/2021) mà còn giá trị sử dụng đến thời điểm nộp hồ sơ (thẻ còn thời hạn sử dụng, không bị thu hồi hoặc bị tước thẻ) thì thuộc đối tượng được hỗ trợ nếu có đủ các điều kiện theo quy định.

**\* CHÍNH SÁCH VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC, VAY VỐN ĐỂ PHỤC HỔI SẢN XUẤT KINH DOANH**

**Câu 1. Đơn vị chúng tôi là Chi nhánh Công ty (thuộc vùng 4) không cùng địa bàn với trụ sở Công ty chính (vùng 2). Vậy khi kê khai các Mẫu số 13b, 13c (****chính sách vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất) ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg thì đơn vị thực hiện ghi mức lương tối thiểu vùng như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định: “Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nào thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó”.

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị đơn vị kê khai mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn trụ sở Chi nhánh Công ty đóng (vùng 4) tại các Mẫu số 13b, 13c (chính sách vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất) ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

**Câu 2. Để được vay vốn trả lương ngừng việc cho người lao động thì doanh nghiệp của tôi cần đáp ứng các điều kiện nào?**

Trả lời:

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, người sử dụng lao động được vay vốn trả lương ngừng việc khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022;

2. Không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

**Câu 3. Do dịch bệnh COVID-19, doanh nghiệp của tôi phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp tôi có được vay vốn để trả lương cho người lao động không?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, đối với người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19, đáp ứng các điều kiện sau thì được vay vốn trả lương phục hồi sản xuất:

1. Người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022;

2. Có người lao động làm việc theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn;

3. Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh;

4. Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn.

**Câu 4. Doanh nghiệp của tôi bị tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước để phòng, chống dịch COVID-19, chúng tôi có thể vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội với thời hạn tối đa là bao lâu?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2 Điều 39 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 có thể được vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh với thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

**Câu 5. Để được vay vốn trả lương ngừng việc cho người lao động do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, doanh nghiệp của chúng tôi cần chuẩn bị các giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, người sử dụng lao động vay vốn trả lương ngừng việc cho người lao động cần chuẩn bị hồ sơ đề nghị vay vốn bao gồm:

1. Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12a;

2. Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13a được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận;

3. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài);

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của người sử dụng lao động;

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có);

5. Văn bản thỏa thuận ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

**Câu 6. Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp tôi phải dừng hoạt động, để được vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp tôi cần chuẩn bị các giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, người sử dụng lao động vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần chuẩn bị hồ sơ đề nghị vay vốn bao gồm:

1. Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số12b;

2. Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13b được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận;

3. Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh;

4. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài);

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của người sử dụng lao động;

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có);

6. Bản sao văn bản về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động).

**Câu 7. Doanh nghiệp tôi hoạt động trong lĩnh vực vận tải, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, doanh nghiệp tôi bị ảnh hưởng rất lớn, không có tiền để trả lương cho người lao động, để được vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp tôi cần chuẩn bị các giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, người sử dụng lao động vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất kinh doanh cần chuẩn bị hồ sơ đề nghị vay vốn bao gồm:

1. Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12c;

2. Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13c được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận;

3. Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh;

4. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài);

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của người sử dụng lao động;

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có);

6. Bản sao thông báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của cơ quan thuế đối với người sử dụng lao động.

**Câu 8. Doanh nghiệp tôi bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, có nhu cầu vay vốn để trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp tôi phải đến đâu để đề nghị vay vốn?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, người sử dụng lao động thực hiện nộp hồ sơ đề nghị vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

**Câu 9. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh chậm nhất đến hết ngày bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

**Câu 10. Lãi suất cho vay đối với vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, lãi suất cho vay là 0%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 12%/năm.

**Câu 11. Nếu được chấp thuận cho vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh, Ngân hàng chính sách xã hội có giải ngân trực tiếp đến người lao động không?**

**Trả lời:**

Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân cho người sử dụng lao động bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của người sử dụng lao động, không giải ngân trực tiếp cho người lao động.

**Câu 12. Sau bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của người sử dụng lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay đối với vay vốn vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, trong 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của người sử dụng lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

**Câu 13. Doanh nghiệp tôi có nhu cầu vay vốn để trả lương ngừng việc cho người lao động, vậy mức cho vay tối đa Doanh nghiệp tôi có thể vay là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, đối với vay vốn trả lương ngừng việc, mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số người lao động theo thời gian trả lương ngừng việc thực tế tối đa 03 tháng.

**Câu 14. Do tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp, doanh nghiệp của chúng tôi không thể mang hồ sơ đề nghị vay vốn trực tiếp tại Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi có thể nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia được không?**

**Trả lời:**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Người sử dụng lao động trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạo hiện nay gửi hồ sơ, thủ tục vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Người sử dụng lao động có nhu cầu vay vốn thì có thể nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc gửi qua bưu điện đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

**Câu 15. Nếu vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất, Doanh nghiệp của chúng tôi có phải thế chấp tài sản của doanh nghiệp không?**

**Trả lời:**

Theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Người sử dụng lao động được vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất tại Ngân hàng Chính sách xã hội và không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay.

**Câu 16. Tôi là hộ gia đình kinh doanh, tôi có được vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động không?**

**Trả lời:**

Hộ gia đình kinh doanh của anh/chị có thể được vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 38 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.